TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 22/5/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:*** Ông Phạm Minh Vương
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Kha
2. Ông Hoàng Triệu Nghĩa
- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Võ Thị Ngọc Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22/5/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2019/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị S, sinh năm 1969
- *Bị đơn*: Anh Trịnh Ngọc T, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Khu dân cư số 5, thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn chị Lý Thị S có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Trịnh Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2019, các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Mộ Đức và tại phiên toà nguyên đơn chị Lý Thị S trình bày*: Chị và anh Trịnh Ngọc T tự nguyện tìm hiểu nhau có tổ chức lễ cưới nhưng không có

đăng ký kết hôn tại địa phương. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 03 con chung. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng bất đồng quan điểm nhau, sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do mấy năm gần đây anh T đi làm ăn xa chỉ về quê vào dịp Lễ, Tết ít quan tâm đến vợ con nhưng mỗi khi về quê thì thường xúc phạm, chửi bới vợ con nên vợ chồng không sống chung mà ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trịnh Lý T, sinh năm 1994 (đã chết); Trịnh Thị Thúy V, sinh năm 1996 đã thành niên (đủ 18 tuổi) và Trịnh Lý Gia H, sinh ngày 17/4/2011. Hiện nay cháu T đã chết, cháu V đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Lý Gia H, sinh ngày 17/4/2011 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 08/4/2019 bị đơn anh Trịnh Ngọc T trình bày:*

Anh và chị Lý Thị S tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào ngày 06/02/1993 (âm lịch) nhưng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống không có tiếng nói chung nên anh và chị S ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị S yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 03 con chung như chị S trình bày. Anh đồng ý giao con chung tên Trịnh Lý Gia H, sinh ngày 17/4/2011 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 14,15, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Không công nhận chị Lý Thị S và anh Trịnh Ngọc T là vợ chồng.

Giao con chung tên Trịnh Lý Gia H, sinh ngày 17/4/2011 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh T không cấp dưỡng tiền cho con.

Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Ngày 08/4/2019 anh Trịnh Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Lý Thị S yêu cầu ly hôn anh Trịnh Ngọc T

Chị S và anh T tổ chức lễ cưới vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh chị chung sống như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;..."*

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".*

Từ những quy định trên, việc chị S và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn pháp luật không công nhận anh, chị là vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2.2] Về con chung

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Trịnh Lý T, sinh năm 1994 (đã chết); Trịnh Thị Thúy V, sinh năm 1996 đã thành niên (đủ 18 tuổi) và Trịnh Lý Gia H, sinh ngày 17/4/2011.

Đối với con chung tên Trịnh Lý T, sinh năm 1994 (đã chết); Trịnh Thị Thúy V, sinh năm 1996 đã thành niên (đủ 18 tuổi). Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung tên Trịnh Lý Gia H, sinh ngày 17/4/2011. Nguyên đơn yêu cầu nuôi cháu H, bị đơn đồng ý giao cháu Huy cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Tại bản trình bày ngày 03/4/2019 cháu Huy có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận giao cháu H cho nguyên đơn nuôi dưỡng và hiện nay cháu H đang ở với mẹ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ

để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của cháu. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung

Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị S và anh Trịnh Ngọc T.

2. Giao con chung tên Trịnh Lý Gia H, sinh ngày 17/4/2011 cho chị Lý Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trịnh Ngọc T không cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003879, ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;;*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương